

## SINH HOẠT CHUYÊN MÔN THEO NGHIÊN CỨU BÀI HỌC Ở CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG HUYỆN EA H'LEO, TỈNH ĐẮK LẮK TRONG BỐI CẢNH ĐỔI MỚI GIÁO DỤC: MỐI QUAN HỆ VỚI PHÁT TRIỂN NGHỀ NGHIỆP CỦA GIÁO VIÊN

*Đinh Thị Hồng Vân<sup>1</sup>, Hoàng Quốc Việt<sup>2</sup>, Phạm Thị Hạnh<sup>3</sup>*

<sup>1</sup>Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế, Việt Nam

<sup>2</sup>Trường THPT Trường Chinh, Huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

<sup>3</sup>Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công Nông nghiệp Quảng Bình, Việt Nam

Tác giả liên hệ: Đinh Thị Hồng Vân - Email: [dthvan@hueuni.edu.vn](mailto:dthvan@hueuni.edu.vn)

Ngày nhận bài: 21-05-2021; ngày nhận bài sửa: 07-6-2021; ngày duyệt đăng: 17-6-2021

**Tóm tắt:** Sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học là một mô hình bồi dưỡng giáo viên, đã và đang được ứng dụng rộng rãi trong các trường trung học phổ thông trong những năm gần đây. Nghiên cứu này làm rõ thực hành sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học và vai trò của nó trong việc phát triển nghề nghiệp của giáo viên nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Khách thể nghiên cứu là 217 cán bộ quản lý và giáo viên trung học phổ thông ở huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk. Phương pháp nghiên cứu là khảo sát bằng bảng hỏi và phỏng vấn. Kết quả nghiên cứu cho thấy nhìn chung thực hành nghiên cứu bài học đã được thực hiện khá tốt ở các trường trung học phổ thông huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk. Các yêu cầu trong từng bước về cơ bản được đáp ứng tốt. Tuy nhiên, bên cạnh đó, những thói quen trong sinh hoạt chuyên môn truyền thống vẫn còn tồn tại trong sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học. Ngoài ra, kết quả nghiên cứu cũng đã cho thấy sự tác động tích cực của sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học đến sự phát triển nghề nghiệp của giáo viên trung học phổ thông. Xuất phát từ thực trạng này, các trường trung học phổ thông cần tăng cường triển khai sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học và chỉ đạo đảm bảo các yêu cầu khi thực hành nghiên cứu bài học.

**Từ khóa:** học tập; nghiên cứu bài học; phát triển nghề nghiệp giáo viên; sinh hoạt chuyên môn; trường trung học phổ thông.

### 1. Đặt vấn đề

Việt Nam đang trong quá trình đổi mới mạnh mẽ giáo dục và đào tạo. Quá trình đổi mới giáo dục và đào tạo được bắt đầu bằng Nghị quyết số 29/NQ-TW ngày 4 tháng 11 năm 2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế của Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (khóa XI) (Vietnam Central Executive Committee, 2013). Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Quốc hội và Chính

phủ, tháng 12 năm 2018, chương trình Giáo dục phổ thông mới đã được ban hành (còn được gọi là Chương trình Giáo dục phổ thông 2018). Chương trình Giáo dục phổ thông mới với những định hướng, chỉ dẫn cơ bản là: “Chương trình giáo dục phổ thông bảo đảm phát triển phẩm chất và năng lực người học thông qua nội dung giáo dục với những kiến thức, kỹ năng cơ bản, thiết thực, hiện đại; hài hoà đức, trí, thể, mỹ; chú trọng thực hành, vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết vấn đề trong học tập và đời sống; tích hợp cao ở các lớp học dưới, phân hoá dần ở các lớp học trên; thông qua các phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục phát huy tính chủ động và tiềm năng của mỗi học sinh, các phương pháp đánh giá phù hợp với mục tiêu giáo dục và phương pháp giáo dục để đạt được mục tiêu đó” (Vietnam Ministry of Education and Training, 2018).

Để đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo, người giáo viên phải học tập phát triển nghề nghiệp. Những nghiên cứu và thực hành về học tập phát triển

**Cite this article as:** Dinh, T. H. V., Hoang, Q. V. and Pham, T. H. (2021). Lesson study in high schools in Ea H'leo District, Dak Lak province within the context of educational innovation: the relationship with teachers' professional development. *UED Journal of Social Sciences, Humanities and Education*, 11(1), 104-112.

<https://doi.org/10.47393/jshe.v11i1.959>

nghề nghiệp của giáo viên trong thời gian gần đây đã chuyển sang học tập dựa trên công việc, bối cảnh hoá và được tiến hành liên tục, lâu dài (British Council, 2015; Kwakman, 2003; Lawrence, 2005; Liu et al., 2016; OECD, 2009; Villegas-Reimers, 2003). Mục tiêu của quá trình học tập là nhằm cải thiện hoạt động dạy của giáo viên theo hướng đổi mới. Muốn vậy, cách tốt nhất là học tập ngay trong chính trong quá trình tham gia vào hoạt động dạy học. Một trong những mô hình phát triển nghề nghiệp của giáo viên theo tiếp cận này được nhiều nước trên thế giới ứng dụng là sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học (gọi tắt là nghiên cứu bài học). Đây cũng chính là mô hình được Bộ Giáo dục và Đào tạo yêu cầu các trường phổ thông ở Việt Nam triển khai trong thời gian qua để nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục (Vietnam Ministry of Education and Training, 2014, 2017).

Nhiều nghiên cứu trên thế giới đã cho thấy vai trò của sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học trong việc thúc đẩy phát triển nghề nghiệp của giáo viên, cụ thể là cải thiện cách giảng dạy của giáo viên và mang đến cho họ cơ hội học hỏi (Lewis et al., 2006; Rock & Wilson, 2005); cải thiện việc giảng dạy là thông qua việc xây dựng các cộng đồng học tập (Fang & Lee, 2010; Lee, 2008; Lieberman, 2009).

Tiếp tục các nghiên cứu trên, bài báo này làm rõ sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học ở các trường học phổ thông huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk trong bối cảnh đổi mới giáo dục ở Việt Nam và vai trò của nó đối với việc phát triển nghề nghiệp của giáo viên.

## 2. Cơ sở lý thuyết

### 2.1. Sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học

Sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học được xem là một tiếp cận học tập nghề nghiệp của giáo viên. Nó được bắt nguồn từ Nhật Bản, phổ biến ở Nhật Bản từ những năm 1960 và đặc biệt là ở trong các trường tiểu học (C. Fernandez & Yoshida, 2004). Trong ngôn ngữ Nhật Bản, nghiên cứu bài học được gọi là “*jugyokenkyuu*”, theo đó “*jugyou*” có nghĩa là “bài học” hoặc “giảng dạy” trong khi “*kenkyuu*” có nghĩa là “nghiên cứu” hoặc “điều tra”. Vì vậy, nghiên cứu bài học có nghĩa là một nghiên cứu hoặc điều tra liên quan đến việc quan sát việc giảng dạy của giáo viên trong lớp

học (M. L. Fernandez, 2005). Nghiên cứu bài học là một tiếp cận học tập nghề nghiệp của giáo viên diễn ra trong thực hành giảng dạy và quá trình học tập này mang tính hợp tác (C. Fernandez & Yoshida, 2004; Isoda, 2007; Lee, 2008; Lewis, 2009). Trong sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học, các giáo viên hợp tác lên kế hoạch bài học, quan sát giờ dạy minh họa, thu thập các minh chứng về hoạt động học của học sinh, sau đó cùng nhau thảo luận về giờ học có thúc đẩy việc học của học sinh không (Vietnam Ministry of Education and Training, 2020; C. Fernandez & Chokshi, 2002; M. L. Fernandez, 2005). Một đặc trưng nữa của việc học tập của giáo viên thông qua hình thức này là dựa trên mô hình từ dưới lên, theo đó việc thực hiện dựa trên các sáng kiến của giáo viên chứ không phải tuân theo chỉ thị của cấp trên (Ansawi & Pang, 2017). Do vậy, hình thức học tập này đáp ứng được nhu cầu học tập của giáo viên.

Thực hành sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học được tiến hành trong các nhà trường thông qua 4 bước sau: Xây dựng bài học minh họa; Tổ chức dạy học minh họa và dự giờ; Suy ngẫm và thảo luận về giờ học; Vận dụng kết quả sinh hoạt chuyên môn vào bài học hàng ngày (Vietnam Ministry of Education and Training, 2019).

### 2.2. Sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học và sự phát triển nghề nghiệp của giáo viên

Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học cải thiện việc giảng dạy là thông qua việc xây dựng các cộng đồng học tập. Lieberman (2009) đã báo cáo một nghiên cứu điển hình về một tổ toán ở trường trung học cơ sở, bao gồm bảy giáo viên đã tham gia nghiên cứu bài học trong bảy năm và phát hiện ra rằng một “con đường mà nghiên cứu bài học dẫn đến cải thiện giảng dạy là sự gia tăng cộng đồng giáo viên... Các giáo viên cho rằng trở thành một giáo viên có nghĩa là mở đầu thực hành của họ để xem xét kỹ lưỡng và suy nghĩ chín chắn về các kế hoạch bài học của họ”. Nghiên cứu về các giáo viên toán học từ 9 khu học chánh độc lập ở Texas, những người đã tham gia 3 nghiên cứu bài học liên tiếp, cho thấy rằng các hoạt động nghiên cứu bài học “thúc đẩy sự tương tác giữa các thành viên trong cộng đồng các nhà toán học, tạo cơ hội cho giáo viên suy nghĩ rõ ràng về quan điểm của họ, ảnh hưởng đến việc giảng dạy những lựa chọn,

và những thay đổi có thể có trong thực tế” (Yarema, 2010). Tại Hồng Kông, nơi nghiên cứu bài học có sự tham gia của các giáo viên dạy tiếng Anh trung học, Lee (2008) đã báo cáo rằng nghiên cứu bài học “tạo ra một nền văn hóa học tập đồng đẳng và học tập từ thực tiễn lớp học thực tế... và cung cấp cơ hội thảo luận miễn phí về các ý tưởng, với những người tham gia có thể để thách thức người khác và cách suy nghĩ của chính họ, đồng thời nhìn nhận việc học từ quan điểm của học sinh”. Trong một nghiên cứu can thiệp kéo dài hai năm đối với sáu giáo viên ở một trường tiểu học ở Singapore, Fang & Lee (2010) đã báo cáo rằng “nghiên cứu bài học là một công cụ mạnh mẽ để tập hợp kiến thức từ các cộng đồng đa dạng”. Như vậy, sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học thúc đẩy sự phát triển nghề nghiệp của giáo viên thông qua việc tạo dựng một cộng đồng giáo viên cùng nhau hợp tác học tập.

### **3. Phương pháp nghiên cứu**

#### **3.1. Phương pháp nghiên cứu định lượng**

##### *Khách thể nghiên cứu*

Nghiên cứu đã tiến hành khảo sát trên 217 cán bộ quản lý và giáo viên trung học phổ thông ở huyện Ea H’Leo, tỉnh Đắk Lắk. Trong mẫu khảo sát có 10.6% là cán bộ quản lý, 89.4% là giáo viên, với trình độ đại học chiếm chủ yếu (89.4%).

##### *Công cụ nghiên cứu*

Nghiên cứu đã sử dụng 2 bảng hỏi dưới đây để làm rõ vấn đề nghiên cứu:

*Bảng hỏi thực hành sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học*

Bảng hỏi bao gồm 20 item (nhận định) về việc đảm bảo các yêu cầu trong từng bước sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học. Các câu trả lời được thiết kế theo thang likert 5 bậc: 1. Không đồng ý; 2. Nghiêng về không đồng ý; 3. Phân vân; 4. Nghiêng về đồng ý; 5. Đồng ý. Trong 20 item có 3 item nghịch. Những item nghịch được cho điểm ngược lại: 5. Không đồng ý; 4. Nghiêng về không đồng ý; 3. Phân vân; 2. Nghiêng về đồng ý; 1. Đồng ý. Hệ số Cronbach’s alpha của bảng hỏi trong nghiên cứu này là 0.85. Như vậy, bảng hỏi cho phép thu thập được thông tin khách quan về vấn đề nghiên cứu.

*Bảng hỏi phát triển nghề nghiệp của giáo viên*

Bảng hỏi bao gồm 11 item về tác động của sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học đến phát triển nghề nghiệp của giáo viên trung học phổ thông. Các câu trả lời cũng được thiết kế theo thang likert 5 bậc như bảng hỏi thực hành sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học. Bảng hỏi có 2 item nghịch. Hệ số Cronbach’ alpha của bảng hỏi trong nghiên cứu này là 0.75. Điều này cho phép bảng hỏi có thể sử dụng được trong nghiên cứu.

##### *Phân tích thống kê*

Nghiên cứu sử dụng các phân tích thống kê sau:

- Thống kê mô tả với điểm trung bình, độ lệch chuẩn, phần trăm.

- Thống kê suy luận với phân tích tương quan pearson.

#### **3.2. Phương pháp nghiên cứu định tính**

Nghiên cứu tiến hành phỏng vấn sâu 2 cán bộ quản lý và 5 giáo viên trung học phổ thông huyện Ea H’Leo, tỉnh Đắk Lắk. Nội dung phỏng vấn là những khó khăn, thuận lợi khi thực hành sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học và sự tác động của sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học đến sự phát triển nghề nghiệp của giáo viên. Phân tích số liệu định tính được thực hiện với phương pháp phân tích nội dung thông qua việc tổng hợp các nội dung chính của từng ca phỏng vấn.

### **4. Kết quả nghiên cứu và bàn luận**

#### **4.1. Thực hành sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học ở các trường trung học phổ thông Ea H’leo, tỉnh Đắk Lắk**

##### **4.1.1. Bước 1: Xây dựng bài học minh họa**

Xây dựng bài học minh họa là bước đầu tiên trong sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học. Đặc trưng của bước này đó là: Tổ chuyên môn thảo luận, thống nhất lựa chọn bài học minh họa; Khuyến khích giáo viên tự nguyện đăng ký dạy học minh họa; Giáo viên dạy học minh họa phối hợp với các giáo viên khác trong tổ chuyên môn để xây dựng bài học minh họa; Giáo viên chủ động, linh hoạt điều chỉnh nội dung, thời lượng, đồ dùng dạy học, phương pháp và kỹ thuật dạy học, đánh giá quá trình học tập của học sinh,... cho phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện dạy học, phù hợp với việc hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực học sinh (Vietnam Ministry of Education and Training, 2020).

**Bảng 1.** Đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về thực hành bước Xây dựng bài học minh họa

Nội dung	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn
1. Các giáo viên cùng nhau trao đổi về các vấn đề học sinh thường gặp khó khăn trong học tập, từ đó quyết định lựa chọn chủ đề/bài dạy.	4.49	0.79
2. Các giáo viên cùng thảo luận về kế hoạch bài học minh họa.	4.52	0.78
3. Các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực theo tiếp cận lấy học sinh làm trung tâm được áp dụng trong triển khai các hoạt động dạy học.	4.53	0.77
4. Nội dung, phương pháp, kỹ thuật dạy học được lựa chọn dựa vào khả năng, kinh nghiệm và vốn kiến thức của học sinh.	4.46	0.84
5. Các giáo viên trong tổ đều hiểu rõ về ý tưởng cũng như các hoạt động dạy học tiến hành.	4.47	0.86
6*. Giáo viên xuất sắc nhất tổ sẽ chuẩn bị bài dạy minh họa.	1.66	1.03

*Ghi chú:*  $1 \leq$  Điểm trung bình  $\leq 5$ ; \*: Item nghịch đã được đổi điểm

**Bảng 2.** Đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về thực hành bước Tổ chức dạy minh họa và dự giờ

Nội dung	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn
1*. Giáo viên dạy minh họa trao đổi với học sinh trước về ý tưởng các hoạt động trong giờ dạy.	1.70	1.03
2. Giáo viên quan tâm đến mọi học sinh trong lớp, đặc biệt là học sinh gặp khó khăn trong học tập.	4.21	0.70
3. Giáo viên dự giờ ngồi/đứng 2 bên hoặc trước lớp.	4.08	1.28
4. Giáo viên dự giờ tập trung quan sát hoạt động học của học sinh, tìm nguyên nhân và các giải pháp cho các vấn đề khó khăn về học của học sinh.	4.51	0.77
5. Người dự giờ quan sát những biểu hiện qua nét mặt, thái độ, hành vi của học sinh, mối quan hệ tương tác giữa học sinh - giáo viên, học sinh - học sinh.	4.11	0.83
6. Người dự giờ ghi chép, chụp ảnh, quay phim những biểu hiện của học sinh trong lớp học.	4.22	1.14

*Ghi chú:*  $1 \leq$  Điểm trung bình  $\leq 5$

Kết quả khảo sát ở Bảng 1 cho thấy các cán bộ quản lý và giáo viên có mức độ đồng ý cao với hầu hết nhận định đưa ra. Điều này có nghĩa những yêu cầu yêu cầu cơ bản của bước Xây dựng bài học minh họa đã được các trường thực hiện tốt.

Tuy nhiên, dữ liệu Bảng 1 cũng cho thấy vẫn còn tồn tại thực trạng “Giáo viên xuất sắc nhất tổ sẽ chuẩn bị bài dạy minh họa”. Điều này chưa đúng với tinh thần nghiên cứu bài học. Trong nghiên cứu bài học, các giáo viên trong tổ sẽ lần lượt tham gia. Ngoài ra, kết quả phỏng vấn cho thấy, bước Xây dựng kế hoạch bài học còn tồn tại những hạn chế sau:

- Một số giáo viên trong tổ vẫn còn tư tưởng ỉ lại cho giáo viên dạy minh họa.

- Một số phương pháp, kỹ thuật dạy học được sử dụng dựa vào thể mạnh của giáo viên hơn là phù hợp với học sinh.

#### **4.1.2. Bước 2: Tổ chức dạy học minh họa và dự giờ**

Trên cơ sở bài học minh họa đã được xây dựng, giáo viên thực hiện dạy học để tổ chuyên môn dự giờ, phân tích bài học. Khi dự giờ, cần tập trung quan sát hoạt động học của học sinh kết hợp với việc quan sát hoạt động tổ chức, hướng dẫn học của giáo viên (Vietnam Ministry of Education and Training, 2020).

Kết quả khảo sát ở Bảng 2 cho thấy phần lớn những yêu cầu trong bước Tổ chức dạy học minh họa và dự giờ được các tổ chuyên môn thực hiện tốt. Như vậy, mục tiêu quan sát trong sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học hoàn toàn khác với sinh hoạt chuyên môn truyền thống. Ở đây không tập trung quan sát hoạt động dạy của giáo viên và mà tập trung quan sát hoạt động học của học sinh, bởi lẽ kế hoạch bài học được xây dựng là sản phẩm trí tuệ tập thể tổ chuyên môn, chứ không phải riêng cá nhân giáo viên dạy. Giáo viên dạy chỉ đại diện tổ lên dạy minh họa.

Tuy nhiên, kết quả khảo sát ở Bảng 2 và phỏng vấn cho thấy bước Tổ chức dạy minh họa và dự giờ còn những hạn chế cơ bản, đó là:

- Giáo viên dạy minh họa vẫn trao đổi với học sinh trước về ý tưởng các hoạt động trong giờ dạy. Một số giáo viên chia sẻ: Đây là thói quen bấy lâu này của giáo viên các trường khi tổ chức dự giờ. Dù sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học không đánh giá giáo viên dạy nhưng tâm lý của giáo viên vẫn e ngại. Xuất phát từ điều này, các nhà trường cần nâng cao nhận thức cho giáo viên.

- Một bộ phận giáo viên vẫn còn ngồi phía sau để

dự giờ. Họ cho rằng việc đứng sau lớp để tạo thoải mái cho học sinh, song thực chất với vị trí này, họ không thể quan sát được hoạt động học của học sinh. Vị trí đó chỉ phù hợp để quan sát hoạt động dạy của giáo viên.

- Người dự giờ vẫn thiên về ghi chép nhiều hơn là sử dụng các yếu tố công nghệ để thu thập các minh chứng về hoạt động học của học sinh. Việc ghi chép khó có thể diễn tả được một cách sinh động trực quan về những gì diễn ra trên nét mặt, hành vi của học sinh trong quá trình học tập.

#### **4.1.3. Bước 3: Suy ngẫm và thảo luận về giờ học**

Bước Suy ngẫm và thảo luận về giờ học tập trung vào việc thảo luận, chia sẻ về hoạt động học của học sinh, tổ chức hoạt động học cho học sinh và một số nguyên nhân tác động đến hoạt động học cho học sinh (Vietnam Ministry of Education and Training, 2020).

Kết quả ở Bảng 3 cho thấy nhìn chung các trường đã thực hiện khá tốt các yêu cầu trong bước này. Tuy nhiên, không ít giáo viên vẫn thảo luận về hoạt động dạy của người dạy minh họa. Đây là thói quen của sinh hoạt chuyên môn truyền thống. Do đó, các trường cần quán triệt tinh thần không đánh giá giáo viên khi dự giờ.

**Bảng 3.** Đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về thực hành bước Suy ngẫm và thảo luận về giờ học

<b>Nội dung</b>	<b>Điểm trung bình</b>	<b>Độ lệch chuẩn</b>
1*. Các giáo viên tập trung thảo luận về hoạt động dạy của giáo viên.	1.73	1.09
2. Giáo viên chia sẻ những quan sát, suy nghĩ, cảm nhận của mình về giờ học, những thông tin thu được về học sinh trong quá trình quan sát.	4.21	0.67
3. Giáo viên cùng phát hiện các vấn đề của học sinh trong giờ học, tìm nguyên nhân, giải pháp khắc phục.	4.58	0.73
4. Người chủ trì tóm tắt vấn đề, tìm nguyên nhân và giải pháp. Mỗi giáo viên tự rút ra bài học.	4.21	0.69

*Ghi chú: 1 ≤ Điểm trung bình ≤ 5*

#### **4.1.4. Bước 4: Vận dụng kết quả sinh hoạt chuyên môn vào bài học hàng ngày**

Dựa trên kết quả thảo luận, chia sẻ về bài học và những điều đã quan sát, học tập được qua dự giờ, các giáo viên chủ động, sáng tạo áp dụng vào các bài học hàng ngày (Vietnam Ministry of Education and Training, 2020).

Kết quả ở Bảng 4 cho thấy các trường đã thực hiện tốt hầu hết các yêu cầu, song vẫn còn tình trạng đó là “*Tổ chuyên môn thống nhất các bài học rút kinh nghiệm trong sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học là bài học cho giáo viên dạy minh họa*”. Thực chất bài học kinh nghiệm rút ra cho tất cả các giáo viên trong tổ.

**Bảng 4.** Đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về thực hành bước Vận dụng kết quả sinh hoạt chuyên môn vào bài học hàng ngày

Nội dung	Độ trung bình	Độ lệch chuẩn
1. Giáo viên tiếp tục nghiên cứu, vận dụng, kiểm nghiệm những gì đã học để nghiên cứu bài học (dạy lại bài đó, chuẩn bị bài dạy minh họa tiếp theo).	4.47	0.80
2. Giáo viên trao đổi những vấn đề thắc mắc, băn khoăn trong dạy học.	4.56	0.71
3. Giáo viên vận dụng kết quả nghiên cứu bài học để đảm bảo nâng cao chất lượng giảng dạy.	4.20	0.68
4*. Tổ chuyên môn thống nhất các bài học rút kinh nghiệm trong sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học là bài học cho giáo viên dạy minh họa.	1.44	0.75

*Ghi chú:*  $1 \leq \text{Điểm trung bình} \leq 5$

**Bảng 5.** Sự tác động của sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học đến phát triển nghề nghiệp của giáo viên trung học phổ thông

Nội dung	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn
1. Tôi học được nhiều ý tưởng mới từ sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học.	4.20	0.66
2. Những kiến thức tôi có được từ sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học giúp tôi cải thiện các kỹ năng dạy học.	4.56	0.74
3. Tôi mong muốn được thử ý tưởng giảng dạy mới của mình trong sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học.	4.18	0.66
4. Sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học làm gia tăng sự nhiệt tình của tôi trong giảng dạy	4.53	0.73
5*. Tôi không tự tin giảng dạy khi có đồng nghiệp dự giờ.	2.25	1.58
6. Hình thức sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học khuyến khích tôi chia sẻ những cái tôi học được với đồng nghiệp.	4.57	0.73
7. Sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học giúp tôi đổi chiều và suy ngẫm về những khía cạnh trong công việc giảng dạy của mình.	4.22	0.66
8. Sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học giúp tôi có những ý tưởng hữu ích để cải thiện kết quả học tập của học sinh.	4.57	0.75
9. Sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của tôi thông qua việc trao đổi kế hoạch dạy học minh họa và thảo luận sau tiết dạy minh họa.	4.23	0.65
10*. Tôi gặp khó khăn trong việc chuẩn bị kế hoạch dạy học minh họa trong nghiên cứu bài học.	1.85	1.20
11. Lớp học của tôi tiến bộ hơn nhờ những gì tôi học được từ sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học.	4.46	0.80

*Ghi chú:*  $1 \leq \text{Điểm trung bình} \leq 5$

## 4.2. Tác động của sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học tới sự phát triển nghề nghiệp của giáo viên các trường trung học phổ thông Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk

Bảng 5 trình bày những tác động của sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học đến phát triển nghề nghiệp của giáo viên trung học phổ thông. Kết quả khảo sát cho thấy hình thức sinh hoạt chuyên môn này đem lại nhiều cơ hội phát triển nghề nghiệp cho giáo viên.

Có thể nói sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học giúp các giáo viên học hỏi thêm nhiều kiến thức

mới về chuyên môn, nghiệp vụ; nâng cao kỹ năng giảng dạy; tích cực, nhiệt tình trong giảng dạy và đổi mới; qua đó, thành tích học tập của học sinh được tăng cao.

Nghiên cứu cũng đã tiến hành tìm hiểu mối tương quan giữa thực hành sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học và phát triển nghề nghiệp của giáo viên trung học phổ thông. Kết quả ở Bảng 6 cho thấy 2 biến số này có mối tương quan thuận khá mạnh với nhau. Điều này có nghĩa càng đảm bảo những yêu cầu trong thực hành sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học thì giáo viên càng phát triển nghề nghiệp.

**Bảng 6.** Hệ số tương quan giữa thực hành sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học và phát triển nghề nghiệp của giáo viên trung học phổ thông

	Thực hành nghiên cứu bài học	Phát triển nghề nghiệp
Thực hành nghiên cứu bài học	1	
Phát triển nghề nghiệp	0.75**	1

*Ghi chú:* \*\*:  $p < 0.01$

Kết quả nghiên cứu trên khá thống nhất với các nghiên cứu trước đây (Fang & Lee, 2010; Lee, 2008; Lewis et al., 2006; Lieberman, 2009; Rock & Wilson, 2005) và góp phần khẳng định vai trò của sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học. Trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay ở Việt Nam, hình thức sinh hoạt chuyên môn này sẽ giúp giáo viên phát triển được chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng được yêu cầu đổi mới.

## 5. Kết luận

Sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học là mô hình học tập tích cực của giáo viên trong bối cảnh đổi mới giáo dục ở Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy nhìn chung thực hành nghiên cứu bài học đã được thực hiện khá tốt ở các trường trung học phổ thông huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk. Các yêu cầu trong từng bước về cơ bản được đáp ứng tốt. Tuy nhiên, bên cạnh đó, những thói quen trong sinh hoạt chuyên môn truyền thống vẫn còn tồn tại trong sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học như: cử giáo viên xuất sắc của tổ dạy minh họa; trao đổi bài dạy trước với học sinh; đánh giá người dạy... Từ thực trạng này, các trường trung học phổ thông huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk

Lắk cần đề xuất các biện pháp để nâng cao nhận thức về sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học cho giáo viên và quán triệt tinh thần và yêu cầu khi triển khai các bước.

Ngoài ra, kết quả nghiên cứu cũng đã khẳng định sự tác động của sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học đến sự phát triển nghề nghiệp của giáo viên trung học phổ thông; giúp giáo viên nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; tích cực, mạnh dạn trong đổi mới; theo đó, thành tích học tập của học sinh được nâng cao.

## Tài liệu tham khảo

- Ansawi, B., & Pang, V. (2017). The Relationship between Professional Learning Community and Lesson Study: A Case Study in Low Performing Schools in Sabah, Malaysia. *Sains Humanika*, 9(1–3). <https://doi.org/10.11113/sh.v9n1-3.1144>
- British Council. (2015). *Continuing Professional Development (CPD) Framework for teachers*.
- Fang, Y., & Lee, C. (2010). *Lesson Study and Instructional Improvement in Singapore*. National Institute of Education.

- Fernandez, C., & Chokshi, S. (2002). A Practical Guide to Translating Lesson Study for a U.S. Setting. *Phi Delta Kappan*, 84(2), 128–134. <https://doi.org/10.1177/003172170208400208>
- Fernandez, C., & Yoshida, M. (2004). *Lesson study: A Japanese approach to improving mathematics teaching and learning*. Lawrence Erlbaum Associates.
- Fernandez, M. L. (2005). Exploring “Lesson Study” in Teacher Preparation. In H. L. Chick & J. L. Vincent (Eds.), *Proceedings of the 29th Conference of the International Group for the Psychology of Mathematics Education* (Vol. 2, pp. 305–312).
- Isoda, M. (2007). Where did Lesson Study Begin, and How Far Has It Come? In M. Isoda, M. Stephens, Y. Ohara, & T. Miyakawa, *Japanese Lesson Study in Mathematics*. World Scientific.
- Kwakman, K. (2003). Factors affecting teachers’ participation in professional learning activities. *Teaching and Teacher Education*, 19(2), 149–170. [https://doi.org/10.1016/S0742-051X\(02\)00101-4](https://doi.org/10.1016/S0742-051X(02)00101-4)
- Lawrence, I. (2005). Getting professional development right. In Australian Council for Educational Research (ACER), *Using Data to Support Learning (Conference Proceedings)* (pp. 63–71).
- Lee, J. F. K. (2008). A Hong Kong case of lesson study- Benefits and concerns. *Teaching and Teacher Education*, 24(5), 1115–1124. <https://doi.org/10.1016/j.tate.2007.10.007>
- Lewis, C. (2009). What is the nature of knowledge development in lesson study? *Educational Action Research*, 17(1), 95–110. <https://doi.org/10.1080/09650790802667477>
- Lewis, C., Perry, R., Hurd, J., & O’Connell, M. P. (2006). Lesson Study Comes of Age in North America. *Phi Delta Kappan*, 88(4), 273–281. <https://doi.org/10.1177/003172170608800406>
- Lieberman, J. (2009). Reinventing teacher professional norms and identities: The role of lesson study and learning communities. *Professional Development in Education*, 35(1), 83–99. <https://doi.org/10.1080/13674580802264688>
- Liu, S., Hallinger, P., & Feng, D. (2016). Learning-centered leadership and teacher learning in China: Does trust matter? *Journal of Educational Administration*, 54(6), 661–682. <https://doi.org/10.1108/JEA-02-2016-0015>
- OECD. (2009). *Creating Effective Teaching and Learning Environments: First Results from TALIS*.
- Rock, T. C., & Wilson, C. (2005). Improving Teaching through Lesson Study. *Teacher Education Quarterly*, 32(1), 77–92.
- Vietnam Central Executive Committee. (2013). *Resolution No. 29/NQ - Fundamental and comprehensive innovation of education and training to meet the requirements of industrialization and modernization in the condition of socialist-oriented market economy and international integration (Nghị quyết số 29/NQ- về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế)*.
- Vietnam Ministry of Education and Training. (2014). *Official dispatch No.5555/BGDĐT-GDTrH on holding professional activities about reforming methods of teaching, learning, testing and assessment; organizing and managing regularly professional activities of high schools/centers of continuing education online (Công văn 5555/BGDĐT-GDTrH về việc hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn của trường trung học/trung tâm giáo dục thường xuyên qua mạng)*.
- Vietnam Ministry of Education and Training. (2017). *Official dispatch No. 4612/BGDĐT-GDTrH on guiding the implementation of the current high school program towards capacity and quality development since academic year 2017-2018 (Công văn 4612/BGDĐT-GDTrH về việc hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục phổ thông hiện hành theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh từ năm 2017-2018)*.
- Vietnam Ministry of Education and Training. (2018). *The High school program - The overall program (Chương trình Giáo dục phổ thông – Chương trình tổng thể)*.
- Vietnam Ministry of Education and Training. (2019). *Training materials for key managerial staff at high schools - Module: Administration of teaching*.



*learning, and educational activities in high schools (Tài liệu bồi dưỡng cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông cốt cán mô đun: Quản trị hoạt động dạy học, giáo dục trong trường THPT).*  
Vietnam Ministry of Education and Training. (2020). *Official dispatch No. 1315/BGDĐT/GDTH on guiding the implementation of professional activities for the General education program, primary level on 16/4/2020 (Công văn 1315/BGDĐT/GDTH về việc hướng dẫn sinh hoạt*

*chuyên môn thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học ngày 16/4/2020).*

Villegas-Reimers, E. (2003). *Teacher Professional Development: An International Review of the Literature*. UNESCO International Institute for Educational Planning.

Yarema, C. H. (2010). Mathematics Teachers' Views of Accountability Testing Revealed through Lesson Study. *Mathematics Teacher Education and Development*, 12(1), 3–18.

## **LESSON STUDY IN HIGH SCHOOLS IN EA H'LEO DISTRICT, DAK LAK PROVINCE WITHIN THE CONTEXT OF EDUCATIONAL INNOVATION: THE RELATIONSHIP WITH TEACHERS' PROFESSIONAL DEVELOPMENT**

***Dinh Thi Hong Van<sup>1</sup>, Hoang Quoc Viet<sup>2</sup>, Pham Thi Hanh<sup>3</sup>***

*<sup>1</sup>Hue University of Education, Hue University, Vietnam*

*<sup>2</sup>Truong Chinh High School, Ea H'Leo District, Daklak, Vietnam*

*<sup>3</sup>Quang Binh Industrial – Agricultural Technical College, Vietnam*

*Author corresponding: Dinh Thi Hong Van - Email: [dthvan@hueuni.edu.vn](mailto:dthvan@hueuni.edu.vn)*

Article History: Received on 21<sup>st</sup> May 2021; Revised on 07<sup>th</sup> June 2021; Published on 17<sup>th</sup> June 2021

**Abstract:** Lesson study is a model of teacher training which has been widely applied in high schools in recent years. This study aimed to investigate the practice of lesson study and its role to teachers' professional development in meeting the requirements of educational innovation. A survey was conducted with a group of 217 high school managers and teachers in Ea H'Leo district, Dak Lak province. The research methods in use were questionnaires and interviews. The findings revealed that lesson study, in general, was implemented effectively in high schools in Ea H'Leo district, Dak Lak. The requirements in each step were basically well-met. However, there still existed some elements of traditional professional activities in the current practice of lesson study. The research results also showed the positive impact of lesson study on high school teachers' professional development. The findings lead to the fact that high schools need to promote the implementation of lesson study and ensure the conditions required for conducting lesson study.

**Key words:** learning; lesson study; teachers' professional development; professional activities; high school.